

Số: 132 / TB- SAF

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v giá bán các loại Gà của Xí nghiệp Gà Cù Chi
Tuần lễ 13 (Từ ngày 24/03/2025 đến khi có thông báo mới)

TT	CÁC LOẠI	ĐVT	LOẠI	ĐƠN GIÁ VND (≥ Giá sản phẩm ban hành)
1	Gà con 01 ngày tuổi (Giá thị trường)	Đồng/ con	- Trọng lượng $\geq 35\text{gr/ con}$	7.000 – 8.000
			- Trọng lượng (gà So) $\leq 34\text{gr/ con}$	6.000
	Gà con 01 ngày tuổi (Loại 2)	Đồng/ con	Loại 2: gà hở rốn – chưa tiêu hết lòng đỏ, nhỏ yếu	3.000
2	Gà thịt Lương Phượng	Đồng/ Kg	- Trọng lượng: 1,20 – 2,0 kg/ con	27.000 – 29.000
3	Gà hậu bị không đạt chuẩn giống	Đồng/ Kg	- Trọng lượng: 1,20 – 2,0 kg/ con	27.000 – 29.000
4	Trứng thương phẩm	Đồng/ quả	- Loại 1 (23,5kg) 72g - Loại 2 (22,5 kg) 68g - Loại 3 (21,5 kg) 65g - Loại 4 (20,5 kg) 62g - Loại 5 (19,5 kg) 58g - Loại 6 (18,5 kg) 55g - Loại 7 (17,5 kg) 52g - Loại 8 (16,5 kg) 48g Gà So	1.800 1.750 1.700 1.650 1.600 1.550 1.500 1.450 1.400
5	Trứng không đạt chuẩn giống.	Đồng/ quả	- Trứng từ : $\geq 65\text{ g}$	2.200
			- Trứng từ : $\leq 50\text{g}$	1.800
			- Trứng So : $\leq 40\text{g}$	1.600
			- Trứng đôi $\geq 70\text{ g}$	3.200
			- Trứng đôi $\leq 65\text{ g}$	3.000
			- Trứng bể	1.000
			- Trứng trong	500
6	Gà giống loại (Loại I) (gà không đẻ, gà mập)	Đồng/ kg	- Gà trống loại - Gà mái loại	60.000 - 62.000
7	Gà giống loại (Loại II) (gà có thể trạng kém)	Đồng/ kg	- Gà trống loại - Gà mái loại	52.000 - 54.000

Ghi chú:

- Giá bán trên đây được áp dụng tại XN Gà Cù Chi, trực thuộc Công ty.
- Giá giao XN Nam Phong: giá trên cộng thêm phí vận chuyển 1.000 đ/ kg.
- Trường hợp có biến động giá thị trường, Giám đốc XN làm việc cụ thể để xin ý kiến chỉ đạo của Giám đốc Công ty./.

Nơi nhận:

- BGĐ Cty;
- GD XN Gà Cù Chi;
- P.KHĐT, P.KD, P.TCKT;
- Lưu: VT. PKD

